

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng
thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2035,
tầm nhìn đến năm 2050

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ
sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm
2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của
Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số
72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập,
thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-
CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2018 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung
xây dựng thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2035 và tầm nhìn đến
năm 2050; Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ quy hoạch
chung xây dựng thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2035, tầm nhìn
đến năm 2050 và hủy Quy hoạch chi tiết Khu Dịch vụ cảng sông thành phố Sóc
Trăng, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/500;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng, tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thành phố
Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, với nội dung
như sau:

**1. Điều chỉnh điểm đầu nối đường Vành Đai II vào Quốc lộ 60 và
thống nhất quy mô mặt cắt ngang đường Vành Đai II.**

Vị trí điều chỉnh cục bộ quy hoạch nằm ở phía Bắc thành phố Sóc Trăng,
bao gồm một phần thuộc Phường 5, thành phố Sóc Trăng và một phần thuộc xã

Phú Tân, huyện Châu Thành. Diện tích điều chỉnh cục bộ khoảng 107,46 ha, tư vấn cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp Kênh 22 Tháng 3;
- + Phía Đông giáp đường Tôn Đức Thắng;
- + Phía Nam giáp đường quy hoạch mới;
- + Phía Tây giáp Quốc lộ 60.

a) Theo quy hoạch được duyệt:

- Vị trí điều chỉnh cục bộ là khu vực bao gồm các chức năng có diện tích lần lượt như sau: đất đơn vị ở (khoảng 42,36ha), đất công trình công cộng cấp đô thị (khoảng 40,01ha), đất giao thông (khoảng 23,81ha) và mặt nước (khoảng 1,28ha).

- Theo đó, đường Vành Đai II (đoạn từ Quốc lộ 60 đến đường Tôn Đức Thắng) chạy dọc theo Kênh 22 tháng 3, kết nối với Quốc lộ 60 tại vị trí cầu Kênh 6 Thước.

- Lộ giới đường Vành Đai II là 40m, với mặt cắt ngang đường cụ thể: lòng đường rộng 33m, (bao gồm làn xe chạy 30m và dải phân cách 3m), vỉa hè mỗi bên rộng 3,5m.

b) Đề xuất điều chỉnh quy hoạch:

- Điều chỉnh di dời điểm đầu nối đường Vành Đai II vào Quốc lộ 60 về phía Nam so với quy hoạch được duyệt, cách mố cầu Kênh 6 Thước khoảng 128m (tại Km123+280). Sau khi điều chỉnh vị trí điểm đầu nối của đường Vành Đai II, một số chức năng dọc tuyến đường này sẽ thay đổi diện tích, cụ thể: Đất đơn vị ở giảm khoảng 8,49ha; đất công trình công cộng cấp đô thị giảm khoảng 1,17ha; đất giao thông tăng khoảng 1,91ha; đất hỗn hợp tăng khoảng 7,75ha.

- Điều chỉnh thống nhất chi tiết mặt cắt ngang đường Vành Đai II là: lòng đường rộng 30m (bao gồm làn xe chạy 27m và dải phân cách 3m), vỉa hè mỗi bên rộng 5m (giữ nguyên lộ giới quy hoạch của đường Vành Đai II là 40m).

2. Điều chỉnh mở rộng lộ giới Đường tỉnh 934B, đoạn từ Sông, rạch Đại Ngãi - Cổ Cò (kênh Phú Hữu Bãi Xàu) đến hết ranh giới phía Đông quy hoạch chung thành phố Sóc Trăng.

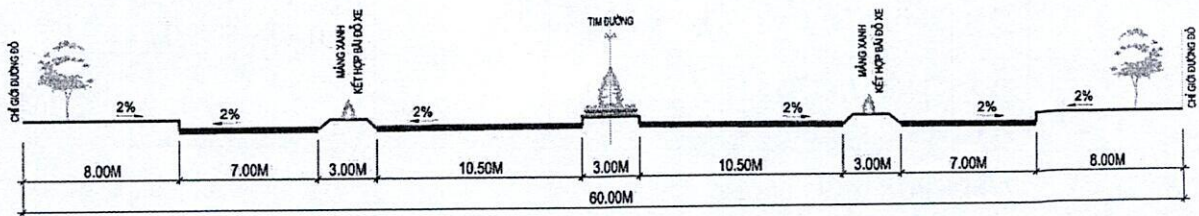
a) Theo quy hoạch được duyệt:

Đường tỉnh 934B (đoạn thuộc ranh giới quy hoạch chung thành phố Sóc Trăng) có lộ giới là 34m, với quy mô mặt cắt cụ thể: lòng đường rộng 21m, dải phân cách rộng 3m, vỉa hè mỗi bên rộng 5m.

b) Đề xuất điều chỉnh quy hoạch:

- Điều chỉnh mở rộng lộ giới Đường tỉnh 934B thành 60m (tính từ tim đường hiện hữu ra mỗi bên 30m) để đảm bảo đồng bộ về quản lý lộ giới cả trong và ngoài đô thị.

- Chi tiết mặt cắt ngang điển hình Đường tỉnh 934B cụ thể như sau:



Mặt cắt điển hình Đường tỉnh 934B

- Sau khi điều chỉnh mở rộng lộ giới Đường tỉnh 934B, các chức năng tiếp giáp với đường thay đổi diện tích, cụ thể như sau: Đất đơn vị ở giảm khoảng 2,05ha; đất ngoài dân dụng khác giảm khoảng 1,45ha; đất dự trữ phát triển giảm khoảng 8,57ha; đất nông nghiệp giảm khoảng 5,37ha; mặt nước giảm khoảng 2,99ha; đất giao thông tăng 20,43 ha.

3. Điều chỉnh mở rộng lộ giới đường Mạc Đĩnh Chi, đoạn từ đường Vành Đai II đến đường Bạch Đằng.

a) Theo quy hoạch được duyệt:

Đường Mạc Đĩnh Chi (đoạn từ đường Vành Đai II đến đường Bạch Đằng) có lộ giới là 22,5m với quy mô mặt cắt cụ thể: lòng đường rộng 14,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 4m.

b) Đề xuất điều chỉnh quy hoạch:

- Điều chỉnh mở rộng lộ giới đường Mạc Đĩnh Chi (đoạn từ đường Vành Đai II đến đường Bạch Đằng) thành 34m, với quy mô mặt cắt cụ thể: lòng đường rộng 22m, vỉa hè mỗi bên rộng 6m (riêng đoạn đường rẽ 02 bên cầu Mạc Đĩnh Chi kết nối với đường Bạch Đằng có vỉa hè mỗi bên rộng 4m).

- Sau khi điều chỉnh mở rộng, đất đơn vị ở giảm khoảng 0,73m ha, đất giao thông tăng 0,73ha.

4. Cơ cấu sử dụng đất sau điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung.

ST T	Loại đất	Theo Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 11/02/2020		Diện tích thay đổi (ha)	Sau điều chỉnh cục bộ	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ	7.921,25	100,00		7.938,18	100,0 0
I	ĐẤT DÂN DỤNG	5.747,89	72,56		5.758,52	72,54
1	Đất đơn vị ở	4.463,28	56,35	-8,49-2,05- 0,73 =-11,27	4.452,01	56,0 8
2	Đất công trình công cộng cấp đô thị	358	4,52	-1,17	356,83	4,50
3	Đất thương mại - dịch vụ	90,22	1,14		90,22	1,14
4	Đất cây xanh, công viên	216,62	2,73		216,62	2,73

5	Đất giao thông	619,77	7,82	+1,91+0,73+2 0,43=+23,07	642,84	8,10
II	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	2.173,36	27,44		2.179,66	27,46
1	Đất trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh	502,51	6,34		502,51	6,33
2	Đất công nghiệp, kho tàng	542,14	6,85		542,14	6,83
3	Đất an ninh quốc phòng	145,06	1,83		145,06	1,83
4	Đất tôn giáo	33,53	0,42		33,53	0,42
5	Đất cây xanh cách ly	304,5	3,84		304,5	3,84
6	Đất hạ tầng kỹ thuật đô thị	50,11	0,63		50,11	0,63
7	Đất ngoài dân dụng khác	70,04	0,89	-1,45	68,59	0,86
8	Đất giao thông ngoài dân dụng	286,69	3,62		286,69	3,61
9	Đất hỗn hợp - chợ đầu mối (thương mại, dịch vụ và các chức năng khác)	238,78	3,02	+7,75	246,53	3,11
B	ĐẤT KHÁC	10.503,43			10.486,50	
1	Đất mặt nước chuyên dụng	2.132,09		-2,99	2.129,10	
2	Đất dự trữ phát triển	2.589,10		-8,57	2.580,53	
3	Đất nông nghiệp	5.269,26		-5,37	5.263,89	
4	Đất nuôi trồng thủy sản	512,98			512,98	
TỔNG CỘNG		18.424,68			18.424,68	

Điều 2. Giao Sở Xây dựng có trách nhiệm cập nhật và thể hiện những nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch tại Điều 1 vào đồ án Quy hoạch chung xây dựng thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050. Đồng thời, tổ chức công bố công khai nội dung điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thành phố Sóc Trăng và gửi hồ sơ lưu trữ quy hoạch đến các đơn vị liên quan theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi Trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý dự án 1, 2; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các

huyện Trần Đề, Long Phú, Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. / *sub*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT.TU;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Lưu: XD, VT. *KM*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Lâu
Trần Văn Lâu

